

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2021/HC-ST

Ngày: 22/9/2021

*“V/v yêu cầu hủy quyết định hành
chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Thái Thị Hồng Vân

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Dương Thanh Cảnh

Bà Bùi Thị Hoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ - Thẩm tra viên Tòa án nhân tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Vinh - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 114/2020/TLST-HC, ngày 08/10/2020 về việc “Yêu cầu hủy quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2021/QĐXXST-HC, ngày 08/8/2021, giữa các đương sự;

1. *Người khởi kiện:* Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1967. Có mặt.

Nơi ĐKKHTT: Khối Hòa Nam, thị trấn T, huyện T, tỉnh Nghệ An.

Chỗ ở: Nhà ông Nguyễn Công T, xóm C, xã C, huyện Y, tỉnh Nghệ An.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Bà Nguyễn Thị C, luật sư văn phòng luật sư Nghệ An - Đoàn luật sư tỉnh Nghệ An. Có mặt.

2. *Người bị kiện:*

2.1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Ngọc H: chức vụ: Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An (Theo quyết định ủy quyền số 3888/QĐ - UBND ngày 03/11/2020). Vắng mặt.

2.2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Nghệ An.

2.3. Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Nghệ An.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hữu H: Chức vụ: Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Nghệ An (theo quyết định ủy quyền số 90/QĐ - UBND ngày 31/3/2021). Vắng mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện T, Nghệ An.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hồ Viết S, Chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện T, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Người khởi kiện bà Nguyễn Thị T và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà T trình bày:

Gia đình bà có thửa đất số 16a, tờ bản đồ số 9 diện tích 816,25m² trong đó 250 m² đất ở còn lại là đất vườn tại khối Hòa Nam, thị trấn Hòa Bình, huyện T, đã được Ủy ban nhân dân huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 408917 ngày 22/7/2005 mang tên ông Phạm Công H (chồng cũ của bà). Đến năm 2008, dự án xây dựng đường dây điện 220KV tuyến Bản Vẽ - Vinh chạy qua phần đất của gia đình bà. Vì vậy, ngày 05/12/2008 Ủy ban nhân dân huyện T ban hành Quyết định số 1477/QĐ-UBND về việc phê duyệt bổ sung phương án bồi thường công trình: đường dây điện 220KV tuyến Bản Vẽ - Vinh đoạn qua huyện T (đợt 1)

Tổng số tiền ông Phạm Công H và bà Nguyễn Thị T được bồi thường cả hai đợt là 15.398.000 đồng (Hồ sơ năm 2008) + 440.000 đồng (Hồ sơ năm 2009) = 15.838.000 đồng. Ngày 18/6/2009 ông Phạm Công H chồng bà T đã nhận 10.398.000 đồng.

Tuy nhiên, do không đồng ý với Quyết định 1477/QĐ - UBND về mức bồi thường, diện tích đất bị ảnh hưởng bà T đã làm đơn khiếu nại lên Ủy ban nhân dân huyện T. Sau đó, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T đã ban hành Quyết định 657/QĐ-UBND ngày 18/6/2018 về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị T lần đầu. Quyết định 657/QĐ-UBND không chấp nhận nội dung khiếu nại của bà Nguyễn Thị T mà giữ nguyên nội dung như quyết định 1477/QĐ - UBND.

Bà T tiếp tục khiếu nại đến Chủ tịch 657/QĐ-UBND tỉnh Nghệ An. Ngày 25/01/2019 Chủ tịch UBND tỉnh Nghệ An đã ban hành Quyết định số 276/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại lần thứ 2 đối với bà Nguyễn Thị T. Tại Quyết định này đã công nhận và giữ nguyên phần nội dung “không chấp nhận yêu cầu bồi thường diện tích đất ở 250 m² của bà Nguyễn Thị T như tại Điều 1 của Quyết định 657/QĐ - UBND. Đồng thời, giao 657/QĐ-UBND huyện T điều chỉnh lại phương án bồi thường, hỗ trợ cho gia đình bà Nguyễn Thị T tại Quyết định 1477/ QĐ - UBND theo hướng: Hủy bỏ phương án bồi thường hỗ trợ hạn chế sử dụng đối với phần diện tích đất ở 50 m² và điều chỉnh lại phương án bồi thường hỗ trợ hạn chế

sử dụng đất đối với diện tích đất vườn nằm trong hành lang an toàn lưới điện chính xác với diện tích đo đạc thực tế.

Căn cứ Quyết định 276 về việc giải quyết khiếu nại lần 2, 657/QĐ-UBND huyện T đã ban hành Quyết định 405/QĐ-UBND ngày 12/4/2019 về việc điều chỉnh Quyết định 1477/QĐ - UBND. Theo đó, Điều 2 quyết định này điều chỉnh tên chủ sử dụng đất và giá trị bồi thường, hỗ trợ từ ông Phạm Công H thành bà Nguyễn Thị T, đồng thời phụ lục kèm theo đã điều chỉnh giá trị bồi thường cho gia đình bà theo hướng giảm giá trị bồi thường, cụ thể: đối với đất chỉ hỗ trợ 807,2 m², giá hỗ trợ 9000 đồng (Chín nghìn đồng)/m², thành tiền: 7.264.800 đồng; cây cối hoa màu 3.180.000 đồng. Tổng giá trị sau điều chỉnh: 10.444.800 đồng (Mười triệu bốn trăm bốn mươi bốn nghìn, tám trăm) đồng.

Tuy nhiên, bà Nguyễn Thị T không đồng ý với các quyết định nêu trên, bà cho rằng:

Thứ nhất: Các Quyết định số 1477; Quyết định số 657, Quyết định số 276 và Quyết định số 405 đã xác định không đúng diện tích đất mà bà cần được bồi thường, hỗ trợ. Cụ thể: Gia đình bà được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 16a, tờ bản đồ số 9, diện tích 816,25 m², trong đó có 250 m² đất ở, còn lại là đất vườn, tại khối Hòa Nam, thị trấn Hòa Bình, huyện T, tỉnh Nghệ An, mặt khác, hàng năm bà đóng thuế đất ở với diện tích 250 m². Việc đóng thuế đất với diện tích 250 m² có biên lai nộp thuế bà cung cấp có tại hồ sơ và đúng với xác nhận của Chi cục thuế huyện T nhưng Ủy ban nhân dân huyện T lại căn cứ diện tích đất ở trên Giấy chứng nhận đã bị tẩy xóa để ra Quyết định hỗ trợ cho gia đình bà chỉ 50 m² đất ở, 802 m² đất vườn là không chính xác. Các quyết định này đã làm ảnh hưởng rất lớn đến quyền lợi của gia đình bà.

Thứ hai: Sau khi khiếu nại lần 2 Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An ban hành Quyết định 276 có nhiều mâu thuẫn. Trong khi tại mục 5, trang 4 của Quyết định này nêu “Toàn bộ căn nhà ở cấp 4 của hộ bà Nguyễn Thị T có diện tích khoảng 60 m² nằm ngoài hành lang an toàn lưới điện 220 kv tuyến Bản Vẽ - Vinh” và mục 2 phần IV quyết định này có nói “...kết quả đo kiểm tra cho thấy khoảng cách từ nhà ở của bà T đến hành lang an toàn lưới điện nơi gần nhất là 4,6m; khoảng cách từ bếp của bà T đến hành lang an toàn lưới điện nơi gần nhất là 3,5m. Điều đó cho thấy nhà ở, nhà bếp của gia đình bà T hoàn toàn không nằm trong hành lang bảo vệ an toàn của lưới điện 220KV. Không những không bồi thường hỗ trợ đúng diện tích đất ở cho bà là 250² mà còn đề nghị UBND huyện T không bồi thường hỗ trợ diện tích đất ở cho bà, hủy bỏ phương án hỗ trợ diện tích đất ở, làm ảnh hưởng nghiêm trọng quyền lợi của gia đình bà.

Thứ ba: Ủy ban nhân dân huyện T cần bồi thường, hỗ trợ cho gia đình bà diện tích đất ở bị ảnh hưởng là 250 m² như đúng diện tích mà gia đình bà được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trước khi bị tầy sủ, đúng với diện tích bà nộp thuế hàng năm. Mặt khác, trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp năm 2005 cũng thể hiện nguồn gốc sử dụng đất là đất nhà nước giao không thu tiền sử dụng đất. Nhưng trong quá trình giải quyết kiến nghị, khiếu nại của gia đình bà thì lại cho rằng nguồn gốc đất của gia đình bà là tách ra từ thửa số 16, tờ bản đồ số 9 của ông Vũ Văn T và từ đó chỉ công nhận 50 m² đất ở cho gia đình bà. Điều này cho thấy Ủy ban nhân dân huyện T đã xác minh, giải quyết thiếu thống nhất, trước sau bất nhất, không chính xác, gây ảnh hưởng nghiêm trọng quyền lợi ích hợp pháp của bà.

Đồng thời, giá hỗ trợ đối với diện tích đất ở và đất vườn cho gia đình bà phải là giá tại thời điểm hiện nay, chứ không phải giá tại thời điểm năm 2008.

Thứ tư: Năm 2013, bà đã nộp hồ sơ để cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Giấy chứng nhận trước đây đã bị Ủy ban nhân dân huyện T ra quyết định thu hồi. Tuy nhiên, cho đến nay, bà vẫn chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất 16a, tờ bản đồ số 9, tại khối Hòa Nam, thị trấn Hòa Bình, huyện T với diện tích đo đạc lại là 1.745,3 m², trong đó có 250 m² đất ở. Từ những căn cứ trên, bà Nguyễn Thị T đề nghị Tòa án xem xét:

- + Hủy Quyết định 657/QĐ-UBND ngày 18/6/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T về giải quyết khiếu nại lần đầu của bà Nguyễn Thị T

- + Hủy Quyết định Quyết định 276/QĐ-UBND ngày 25/01/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An về giải quyết khiếu nại lần hai của bà (đối với quyết định 1477/QĐ-UBND ngày 05/12/2008 của Ủy ban nhân dân huyện T phê duyệt bổ sung phương án bồi thường Dự án xây dựng công trình đường dây điện 220KV tuyến Bản Vẽ - Vinh đoạn qua huyện T).

- + Hủy một phần Quyết định 405/QĐ-UBND ngày 12/4/2014 của Ủy ban nhân dân huyện T về việc điều chỉnh Quyết định 1477/QĐ-UBND ngày 05/12/2018 phê duyệt bổ sung phương án bồi thường Công trình đường dây điện 220KV tuyến Bản Vẽ - Vinh đoạn qua huyện T (bổ sung đợt 1) liên quan đến gia đình bà.

- + Buộc Ủy ban nhân dân huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất 16a, tờ bản đồ số 9, tại khối Hòa Nam, thị trấn Hòa Bình, huyện T với diện tích đo đạc lại là 1.745,3 m², trong đó có 250 m² đất ở cho bà.

Người bị kiện ông Lê Ngọc H trình bày:

Bà Nguyễn Thị T yêu cầu hủy quyết định số 276/QĐ-UBND ngày 25/01/2019 về việc giải quyết khiếu nại lần 2 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh là không có căn cứ bởi vì:

Tại thời điểm Ủy ban nhân dân huyện T ban hành Quyết định số 1477/QĐ - UBND ngày 05/12/2008 phê duyệt bổ sung phương án bồi thường Dự án xây dựng công trình đường dây điện 220 KV tuyến Bản Vẽ - Vinh đoạn qua huyện T thì giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho gia đình bà Nguyễn Thị T số AB 408917 ngày 22/7/2005, diện tích được cấp quyền sử dụng là 816,25 m² trong đó chỉ có 50 m² đất ở, còn lại là đất vườn. Việc Ủy ban nhân dân huyện T thực hiện bồi thường diện tích bị ảnh hưởng cho gia đình bà Nguyễn Thị T 50 m² đất ở là tối đa theo diện tích đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Chưa T đến các sai sót trong việc xác định phạm vi ảnh hưởng bởi đường dây điện tại thời điểm đó).

Ngoài Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được công nhận 50 m² đất ở, bà T không cung cấp được giấy tờ nào về quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật để chứng minh diện tích đất ở của gia đình mình đủ điều kiện để được công nhận là 250 m². Kết quả kiểm tra thực địa ngày 27/12/2018 cho thấy nhà ở và nhà bếp của gia đình bà T còn cách xa hành lang an toàn lưới điện (không bị hạn chế khả năng sử dụng). Do đó không có cơ sở để bồi thường do hạn chế khả năng sử dụng đất ở cho bà Nguyễn Thị T tăng từ 50 m² lên 250 m², ngoài ra việc Ủy ban nhân dân huyện T đã thực hiện bồi thường do hạn chế khả năng sử dụng ở cho gia đình bà T 50 m² cũng không đúng quy định.

Vì vậy, không chấp nhận yêu cầu bồi thường diện tích đất 250 m² của bà Nguyễn Thị T tại Điều 1, Quyết định số 657/QĐUBND 18/6/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị T là đúng quy định. Nội dung bồi thường hỗ trợ hạn chế đối với phần diện tích đất ở 50 m² cho gia đình bà T tại Quyết định 1477 của UBND huyện T và phần nội dung giải quyết “giữ nguyên diện tích đất ở và giá trị bồi thường như hồ sơ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt ban đầu”. Tại Điều 1 của Quyết định 657 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T về việc khiếu nại của bà Nguyễn Thị T là chưa đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Từ những nội dung, trên Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An ban hành Quyết định khiếu nại số 267/QĐ- UBND ngày 25/01/2019 về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị T (lần 2) là đúng quy định của pháp luật đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xem xét giải quyết.

Người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T trình bày:

Thời điểm Ủy ban nhân dân huyện T ban hành Quyết định số 1477/QĐ-UBND ngày 05/12/2008 về việc phê duyệt bổ sung phương án bồi thường Dự án xây dựng công trình đường dây điện 220 KV tuyến bản Vẽ - Vinh đoạn qua huyện T thì Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho gia đình bà Nguyễn Thị T số AB 408917 ngày 22/7/2005, diện tích được cấp quyền sử dụng là 816,25 m² trong đó chỉ có 50 m² đất ở, còn lại là đất vườn. Việc Ủy ban nhân dân huyện T thực hiện bồi thường diện tích bị ảnh hưởng cho gia đình bà Nguyễn Thị T 50 m² đất ở là tối đa theo diện tích đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ngoài giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được công nhận 50m² đất ở, bà T không cung cấp được giấy tờ nào về quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật để chứng minh diện tích đất ở của gia đình bà đủ điều kiện để được công nhận là 250m². Kết quả kiểm tra thực địa ngày 27/12/2018 cho thấy nhà ở và nhà bếp của gia đình bà T còn cách xa hành lang an toàn lưới điện (không bị hạn chế khả năng sử dụng). Do đó, không những không có cơ sở để bồi thường do hạn chế khả năng sử dụng đất ở cho bà Nguyễn Thị T tăng từ 50 m² lên 250m², mà việc UBND huyện T đã thực hiện bồi thường do hạn chế khả năng sử dụng đất ở cho gia đình bà T 50 m² là chưa phù hợp với quy định.

Như vậy, ngày 18/6/2018 Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T ban hành Quyết định số 657/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị T; trú tại khối Hòa Nam, thị trấn Hòa Bình, huyện T, tỉnh Nghệ An (lần đầu); đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh xem xét giải quyết theo quy định pháp luật.

Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện T trình bày:

Hồ sơ quản lý đất đai qua các thời kỳ liên quan đến thửa đất số 16 a tờ bản đồ số 9 tại khối Hòa Nam, thị trấn Thạc Giám (trước đây là thị trấn Hòa Bình), huyện T, bao gồm: Sổ mục kê lập năm 2000; Sổ địa chính; Hồ sơ hợp xác định nguồn gốc và thời gian sử dụng đất.

Về nguồn gốc và quá trình sử dụng đất thửa đất số 16 a, tờ bản đồ số 9: Có nguồn gốc từ thửa 16 và là đất vườn (đất trồng cây ăn quả) của ông Trần Phúc Nghiêm khai phá năm 1978, đến năm 1994 thì chuyển nhượng đất này cho ông Vũ Hữu T sử dụng để trồng cây ăn quả, năm 1996 đến năm 2000 ông T cho cháu là Phạm Công H (trước đây là chồng bà Nguyễn Thị T) làm nhà tạm trên thửa đất này. Năm 2000, đo đạc bản đồ địa chính thuộc thửa đất số 16, bản đồ số 9 diện tích 5238,6 m², đứng tên chủ sử dụng là Vũ Hữu T, mục đích sử dụng đất là đất trồng cây ăn quả (Q).

Năm 2005, Ủy ban nhân dân huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Phạm Công H do ông Vũ Văn T (Vũ Hữu T) tặng cho một phần quyền

sử dụng đất, tách từ thửa đất số 16 thành thửa đất số 16 a, tờ bản đồ số 9, diện tích 816,25 m² (trong đó 50 m² đất ở và 766,25 m² đất vườn).

Quan điểm của Ủy ban nhân dân thị trấn T đối với yêu cầu của bà Nguyễn Thị T: Căn cứ hồ sơ, tài liệu, nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất làm nhà ở của hộ ông Phạm Công H và bà Nguyễn Thị T thì việc bà Nguyễn Thị T khởi kiện là không có cơ sở pháp lý. Với thời điểm sử dụng đất làm nhà ở như đã hợp thì việc thực hiện nghĩa vụ tài chính (chuyển mục đích sử dụng thêm 200 m² đất ở) để được công nhận đủ hạn mức đất ở tại đô thị là 250 m² của bà Nguyễn Thị T là đúng quy định của pháp luật.

Quá trình đối thoại, các bên đương sự vẫn giữ nguyên quan điểm của mình.

Đại diện Viện kiểm sát có ý kiến về việc tuân theo quy định của pháp luật về việc thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, tài liệu, xác định tư cách của những người tham gia tố tụng. Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán đã mở phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và đối thoại theo quy định của pháp luật; Việc tranh tụng tại phiên toà của Hội đồng xét xử được tiến hành đúng theo quy định của Luật tố tụng Hành chính. Người khởi kiện, người bị kiện đã thực hiện và chấp hành quyền, nghĩa vụ của mình đúng theo quy định của pháp luật trong việc cung cấp tài liệu, chứng cứ và thực hiện các văn bản tố tụng của Tòa án.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T đối với các yêu cầu:

- Hủy Quyết định 657/QĐ-UBND ngày 18/6/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T về giải quyết khiếu nại lần đầu của bà Nguyễn Thị T

- Hủy Quyết định Quyết định 276/QĐ - UBND ngày 25/01/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An về giải quyết khiếu nại lần hai của bà (đối với quyết định 1477/QĐ - UBND ngày 05/12/2008 của UBND huyện T phê duyệt bổ sung phương án bồi thường Dự án xây dựng công trình đường dây điện 220KV tuyến Bản Vẽ - Vinh đoạn qua huyện T).

- Hủy một phần Quyết định 405/QĐ - UBND ngày 12/4/2014 của Ủy ban nhân dân huyện T về việc điều chỉnh Quyết định 1477/QĐ - UBND ngày 05/12/2018 phê duyệt bổ sung phương án bồi thường Công trình đường dây điện 220KV tuyến Bản Vẽ - Vinh đoạn qua huyện T (bổ sung đợt 1) liên quan đến gia đình bà.

- Buộc Ủy ban nhân dân huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất 16a, tờ bản đồ số 9, tại khối Hòa Nam, thị trấn Hòa Bình, huyện T với diện tích đo đạc lại là 1.745,3m², trong đó có 250 m² đất ở cho bà.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị T phải chịu án phí hành chính sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát và các đương sự, các quy định pháp luật hiện hành. Hội đồng xét xử sơ thẩm thấy;

[1] Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thu thập tài liệu, chứng cứ, mở phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ, đối thoại và tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo đúng trình tự, thủ tục của Luật tố tụng Hành chính quy định. Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử, người bị kiện người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự, theo quy định tại khoản 1 Điều 158 Luật tố tụng hành chính.

[2] Về đối tượng khởi kiện và thẩm quyền giải quyết:

Quyết định 405/QĐ-UBND ngày 12/4/2019 của UBND huyện T về việc điều chỉnh Quyết định 1477/QĐ-UBND ngày 05/12/2018 phê duyệt bổ sung phương án bồi thường công trình đường dây điện 220KV tuyến Bản Vẽ - Vinh Đoạn qua huyện T (bổ sung đợt 1) đối với bà Nguyễn Thị T; Quyết định 276/QĐ - UBND ngày 25/01/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An về giải quyết khiếu nại lần hai của bà Nguyễn Thị T là các quyết định hành chính do cơ quan hành chính nhà nước và người đứng đầu cơ quan hành chính nhà nước có thẩm quyền ban hành trong trong lĩnh vực quản lý Nhà nước về đất đai, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình bà Nguyễn Thị T là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 30, khoản 3, khoản 4 Điều 32 Luật tố tụng hành chính.

[3] Về thời hiệu khởi kiện:

Ngày 12/4/2019, Ủy ban nhân dân huyện T ban hành Quyết định 405/QĐ - UBND về việc điều chỉnh Quyết định 1477/QĐ - UBND ngày 05/12/2018 phê duyệt bổ sung phương án bồi thường Công trình đường dây điện 220KV tuyến Bản Vẽ - Vinh Đoạn qua huyện T (bổ sung đợt 1) của bà Nguyễn Thị T;

Ngày 25/01/2019 Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An ban hành Quyết định số 276/QĐ - UBND về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị T (lần 2) đến ngày 11/3/2020 bà T viết đơn gửi đến Tòa án nhân dân huyện T yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 276/QĐ - UBND và hủy quyết định số 405/QĐ - UBND của Ủy ban nhân dân huyện T và ngày 30/3/2020 Tòa án nhân dân huyện T đã chuyển đơn đến Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An là đảm bảo về thời hiệu theo quy định tại Điểm a, khoản 2 và điểm a khoản 3 Điều 116 Luật tố tụng hành chính.

Đối với yêu cầu Hủy Quyết định số 657/QĐ-UBND ngày 18/6/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của bà Nguyễn Thị T và yêu cầu thực hiện hành vi hành chính buộc Ủy ban nhân dân huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất 16a, tờ bản đồ số 9, tại khối Hòa Nam, thị trấn Hòa Bình, huyện T với diện tích đo đạc lại là 1745,3 m², trong đó có 250 m² đất ở cho bà là hết thời hiệu khởi kiện quy định tại điểm a khoản 2, điểm a khoản 3, Điều 116 Luật tổ tụng hành chính, nhưng là quyết định hành chính và hành vi hành chính có liên quan nên thuộc thẩm quyền xem xét của Hội đồng xét xử theo quy định tại khoản 1 Điều 193 Luật tổ tụng hành chính.

[4]. Xét T hợp pháp của Quyết định số 657/QĐ - UBND ngày 18/6/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T về giải quyết khiếu nại lần đầu của bà Nguyễn Thị T Hội đồng xét xử xét thấy:

[4.1] Về trình tự thủ tục và thẩm quyền ban hành:

Sau khi nhận được đơn khiếu nại của bà Nguyễn Thị T khiếu nại về việc nhà nước bồi thường lưới điện 220KV thuộc dự án thủy điện Bản Vẽ cho bà không đúng quy định và đề nghị thu hồi toàn bộ diện tích đất ở tại thửa số 16a, tờ bản đồ số 9 và bố trí đất tái định cư cho gia đình bà. Ủy ban nhân dân huyện T thành lập đoàn xác minh nội dung khiếu nại, tiến hành làm việc với bà Nguyễn Thị T. Trên cơ sở báo cáo số 72/BC - ĐLN ngày 11/6/2018 của Đoàn thanh tra ngày 18/6/2018 Chủ tịch UBND huyện T đã ban hành quyết định giải quyết khiếu nại số 657/QĐ - UBND về giải quyết khiếu nại lần đầu của bà Nguyễn Thị T (lần đầu) là đúng trình tự, thủ tục và thẩm quyền quy định tại Điều 18; 27; 28; 29; 30 và Điều 31 Luật Khiếu nại.

[4.2] Về cơ sở pháp lý: Thực hiện dự án đường điện 200 KV tuyến Bản Vẽ - Vinh; Hội đồng giải phóng mặt bằng đã tiến hành kiểm tra lập hồ sơ bồi thường cho ông Nguyễn Công H (chồng cũ của bà T) bồi thường tài sản và hỗ trợ về đất do hạn chế sử dụng: Tổng giá trị 15.398.000 đồng; bồi thường về tài sản cây cối, hoa màu 440.000 đồng và ông Nguyễn Công H đã nhận số tiền 10.398.000 đồng.

[4.2.1] Đối với nội dung bà T đề nghị lập hồ sơ bồi thường đất ở cho bà với diện tích 250 m² x 200.000 đồng/m² = 50.000.000 đồng.

Về nguồn gốc và quá trình sử dụng đất: Thửa đất được hộ ông Trần Phúc Nghiêm trú tại khối Hòa Nam, thị trấn Hòa Bình khai phá làm vườn từ trước năm 1980. Năm 1994, ông Trần Phúc Nghiêm chuyển nhượng cho ông Vũ Văn T để sử dụng làm vườn. Khoảng từ năm 1996 đến năm 2000 gia đình ông Vũ Văn T cho ông Phạm Công H (chồng của bà Nguyễn Thị T) làm nhà ở trên diện tích thửa đất 16, tờ bản đồ số 9. Sau đó, hộ ông Phạm Công H và bà Nguyễn Thị T đã được Ủy ban nhân dân huyện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 408917 ngày

22/7/2005, với diện tích 901,5 m². Trong đó: Diện tích được cấp quyền sử dụng là 816,25 m² (Có 50 m² đất ở), còn lại là đất vườn; và 85,25 m² đất nằm trong quy hoạch mở đường giao thông (Không được cấp CNQSD đất). Như vậy, phần diện tích cho ông H được tách ra từ thửa số 16 ký hiệu là thửa 16a, có diện tích là 901,5 m² thuộc tờ bản đồ số 9.

Bản đồ địa chính đo đạc năm 2000, thể hiện thửa đất số 16, tờ bản đồ số 9 thuộc bộ bản đồ địa chính thị trấn Hòa Bình có diện tích là 5.238,6 m², loại đất Q (cây ăn quả).

Sổ Mục kê lập cho tên chủ sử dụng đất là Vũ Văn T (kèm theo bản đồ địa chính đo đạc năm 2000), thể hiện thửa đất số 16, tờ bản đồ số 9 có diện tích là 5.238,6 m², loại đất Q (cây ăn quả).

Tại trang số 65 sổ địa chính thể hiện thửa 16a tờ bản đồ số 09 diện tích 816,25m²; mục đích sử dụng đất ở 50 m².

Tại quyết định số 499/QĐ - UB.TN ngày 22/7/2005 của Ủy ban nhân dân huyện T về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và danh sách kèm theo thì ông Phạm Công H số thứ từ 57 trong bản danh sách được cấp 50 m² đất ở (BL 357 đến BL 359).

Như vậy, thời điểm Ủy ban nhân dân huyện T ban hành Quyết định số: 1477/QĐ-UBND ngày 05/12/2008 về việc phê duyệt bổ sung phương án bồi thường Dự án xây dựng công trình đường dây điện 220 KV tuyến Bản Vẽ - Vinh đoạn qua huyện T thì Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho gia đình bà Nguyễn Thị T số AB 408917 ngày 22/7/2005, diện tích được cấp quyền sử dụng là 816,25 m² trong đó chỉ có 50 m² đất ở, còn lại là đất vườn. Nên việc Hội đồng bồi thường giải phóng mặt bằng đã lập hồ sơ bồi thường giải phóng mặt bằng thực hiện bồi thường diện tích bị ảnh hưởng cho gia đình bà Nguyễn Thị T 50 m² đất ở là tối đa theo diện tích đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là đúng quy định của pháp luật.

Ngoài ra, bà T cho rằng hàng năm bà đều thực hiện nghĩa vụ nộp thuế đối với 250 m² đất ở là chưa đủ căn cứ, bởi lẽ bà T chỉ cung cấp hai biên lai phiếu thu năm 2006 và 2007 tức là sau thời điểm đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và 01 bản danh sách bộ thuế nhà đất của chi cục thuế T (BL 26) Tuy nhiên, các phiếu thu tiền sử dụng đất của bà T, bản danh sách bộ thuế nhà đất của chi cục thuế T (BL 26) đều là bản phô tô không có chữ ký xác nhận của Chi cục thuế vì vậy các tài liệu này không có giá trị chứng cứ theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị T xuất trình đơn trình bày của hộ ông Phạm Công H viết ngày 00 tháng 4 năm 2009 về nội dung: Năm 1991 ông H với o khai Hg mảnh đất này, năm 1998 đưa cả gia đình lên, thửa đất số 16a, tờ bản đồ số 09

với diện tích 901.5 m² là do ông H khai Hg, không có tranh chấp, có xác nhận của Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn Hòa Bình ngày 14/5/2009. Tuy nhiên, nội dung xác nhận này của Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn Hòa Bình ngày 14/5/2009 đã bị Ủy ban nhân dân thị trấn Hòa Bình, huyện T hủy bỏ tại Quyết định số 78/QĐ - UBND ngày 22/5/2012 về hủy bỏ các loại giấy tờ do Ủy ban nhân dân thị trấn Hòa Bình đã xác nhận trong giấy tờ về quyền sử dụng đất cho ông Phạm Công H và vợ là bà Nguyễn Thị T. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận tài liệu này làm chứng cứ.

Như vậy, ngoài giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được công nhận 50 m² đất ở, bà T không cung cấp được giấy tờ nào về quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật để chứng minh diện tích đất ở của gia đình bà đủ điều kiện để được công nhận là 250 m².

Do đó, việc bà Nguyễn Thị T yêu cầu Hội đồng bồi thường giải phóng mặt bằng Ủy ban nhân dân huyện T lập hồ sơ bồi thường đất ở cho bà với diện tích 250 m² x 200.000 đồng/m² x 50% = 25.000.000 đồng là không có căn cứ

[4.2.2] Đối với nội dung bà Nguyễn Thị T yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện T thu hồi toàn bộ diện tích đất tại thửa đất số 16a, tờ bản đồ số 09 và bố trí tái định cư cho bà một thửa đất khác. Hội đồng xét xử thấy rằng:

Hiện nay, khu vực thửa đất số 16a, tờ bản đồ số 09 của bà T Nhà nước chưa có kế hoạch thu hồi để phục vụ mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, cộng đồng.

Theo tài liệu tại hồ sơ thể hiện: Toàn bộ căn nhà cấp 4 của hộ bà Nguyễn Thị T có diện tích khoảng 60 m² nằm ngoài hành lang bảo vệ an toàn lưới điện 220 kv tuyến Bản Vẽ - Vinh. Hiện nay, thửa đất của bà T chưa được thu hồi và gia đình bà T đang sử dụng và sản xuất trên mảnh đất đó, thửa đất của bà T không thuộc trường hợp thu hồi đất đã được quy định tại Điều 38 Luật đất đai 2003 và các điều 62, 63, 64, 65 Luật đất đai năm 2013. Căn cứ Nghị định số 14/2014/NĐ-CP ngày 26/2/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Điện Lực về an toàn điện thì nhà ở của gia đình bà T không thuộc trường hợp phải di dời. Do đó, Ủy ban nhân dân huyện T không chấp nhận yêu cầu của bà T về việc đề nghị thu hồi toàn bộ diện tích đất tại thửa đất số 16a, tờ bản đồ số 09 và bố trí tái định cư cho bà một thửa đất là có căn cứ.

Vì vậy, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị T để hủy Quyết định số 657/QĐ-UBND ngày 18/6/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T về giải quyết khiếu nại lần đầu của bà Nguyễn Thị T.

[5] Xét T hợp pháp của Quyết định số 276/QĐ - UBND ngày 25/01/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị T (lần 2):

[5.1] Về trình tự, thủ tục và thẩm quyền ban hành:

Do không đồng ý Quyết định số 657/QĐ - UBND ngày 18/6/2018 của Chủ tịch UBND huyện T về giải quyết khiếu nại lần đầu bà Nguyễn Thị T tiếp tục có đơn khiếu nại đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An đã ban hành Công văn số 602/UBND ngày 05/7/2018 giao cho Sở Tài nguyên và môi trường thành lập tổ công tác liên ngành để giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị T. Ngày 12/7/2018, Sở tài nguyên môi trường ban hành quyết định số 373 thành lập tổ công tác liên ngành tiến hành kiểm tra hồ sơ, tài liệu, tổ chức đối thoại với người khiếu nại và có báo cáo số 357/QĐ - STNMT ngày 07/01/2019. Trên cơ sở đó ngày 25/01/2019, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An đã ban hành Quyết định số 276/QĐ - UBND về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị T (lần 2) là đúng trình tự, thủ tục và thẩm quyền quy định tại các Điều 21, 36, 37, 38, 39, 40 Luật Khiếu nại; Điều 204 Luật Đất đai năm 2013 và Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ.

[5.2] Về nội dung: Tại Điều 1 của Quyết định 276 quyết định: “Không chấp nhận yêu cầu bồi thường diện tích đất ở 250 m² của bà Nguyễn Thị T” tại Điều 1 Quyết định 657/QĐ - UBND ngày 18/6/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị T.

Tại Điều 2 của Quyết định 276 quyết định: Giao Ủy ban nhân dân huyện T thực hiện điều chỉnh, bổ sung phương án bồi thường, hỗ trợ cho gia đình bà Nguyễn Thị T tại Quyết định số 1477/QĐ-UBND ngày 15/12/2008 đảm bảo đúng quy định pháp luật, trong đó:

- Hủy bỏ phương án bồi thường hỗ trợ hạn chế sử dụng đất đối với phần diện tích đất ở 50 m².

- Điều chỉnh lại phần phương án bồi thường hỗ trợ hạn chế sử dụng đất đối với diện tích đất vườn (đất nông nghiệp) nằm trong hành lang an toàn lưới điện chính xác với diện tích đo đạc thực tế.

Như đã phân tích ở trên, căn cứ vào nguồn gốc và quá trình sử dụng đất thửa 16a, tờ bản đồ số 9 có diện tích là 901,5 m² của hộ ông Phạm Công H và bà Nguyễn Thị T được tách từ thửa đất số 16 tờ bản đồ số 9 được Ủy ban nhân dân huyện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tại thời điểm Ủy ban nhân dân huyện T ban hành Quyết định số 1477/QĐ-UBND ngày 05/12/2008 về việc phê duyệt bổ sung phương án bồi thường Dự án xây dựng công trình đường dây điện

220 KV tuyến Bản Vẽ - Vinh đoạn qua huyện T thì Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho gia đình bà Nguyễn Thị T số AB 408917 ngày 22/7/2005, diện tích được cấp quyền sử dụng là 816,25 m² trong đó chỉ có 50 m² đất ở, còn lại là đất vườn. Nên việc Hội đồng bồi thường giải phóng mặt bằng đã lập hồ sơ bồi thường giải phóng mặt bằng thực hiện bồi thường diện tích bị ảnh hưởng cho gia đình bà Nguyễn Thị T 50 m² đất ở là tối đa theo diện tích đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (chưa T đến các sai sót trong việc xác định phạm vi ảnh hưởng bởi đường dây điện tại thời điểm đó).

Ngoài ra, do toàn bộ căn nhà cấp 4 của hộ bà Nguyễn Thị T có diện tích khoảng 60 m² nằm ngoài hành lang bảo vệ an toàn lưới điện 220 kv tuyến Bản Vẽ - Vinh không thuộc trường hợp thu hồi đất đã được quy định tại Điều 38 Luật đất đai 2003 và các điều 62, 63, 64, 65 Luật đất đai năm 2013. Căn cứ Nghị định số 14/2014/NĐ-CP ngày 26/2/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Điện Lực về an toàn điện thì nhà ở của gia đình bà T không thuộc trường hợp phải di dời. Do đó, Ủy ban nhân dân huyện T không chấp nhận yêu cầu của bà T về việc đề nghị thu hồi toàn bộ diện tích đất tại thửa đất số 16a, tờ bản đồ số 09 và bố trí tái định cư cho bà một thửa đất là có căn cứ.

Qua kiểm tra thực địa và bản vẽ trích đo do Văn phòng Đăng ký Quyền sử dụng đất huyện T lập ngày 17/10/2018 cho thấy toàn bộ diện tích nhà ở cấp 4, nhà bếp của hộ bà Nguyễn Thị T có diện tích khoảng 60 m² không nằm trong hành lang bảo vệ an toàn của lưới điện 220 KV (*Căn cứ quy định tại điểm d, Khoản 1, Điều 6 Nghị định số 106/2005/NĐ-CP ngày 17/8/2005 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Điện lực về bảo vệ an toàn công trình lưới điện cao áp thì hành lang bảo vệ an toàn là 6 m*). Phần diện tích đất gồm có nhà ở, nhà bếp, vườn (*phía Đông Nam giáp đường bê tông*) không bị ảnh hưởng bởi hành lang an toàn lưới điện sau khi trừ đi diện tích nằm trong chỉ giới xây dựng đường còn lại là 547.7 m². Toàn bộ hành lang bảo vệ an toàn của lưới điện 220 KV tuyến Bản Vẽ - Vinh chỉ ảnh hưởng đến diện tích đất vườn của hộ bà Nguyễn Thị T.

Như vậy, việc Ủy ban nhân dân huyện T hỗ trợ cho hộ bà Nguyễn Thị T 50 m² đất ở do bị hạn chế khả năng sử dụng đất ở là không đúng quy định tại Mục b, Khoản 2, Điều 16, Nghị định 197/2004/NĐ-CP ngày 03/7/2004 của Chính phủ và điểm 8.2 Mục 8 Phần II - Bồi thường, hỗ trợ về đất (*Bồi thường đối với đất thuộc hành lang an toàn khi xây dựng công trình có hành lang bảo vệ an toàn*), Thông tư số 116/2004/TT-BTC ngày 07/12/2004 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định 197/2004/NĐ-CP - quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất.

Căn cứ kết quả kiểm tra thực địa ngày 27/12/2018 thấy rằng vị trí nhà ở và bếp của bà T cách xa hàng lang an toàn lưới điện (không bị hạn chế khả năng sử dụng). Do đó UBND huyện T đã thực hiện bồi thường do hạn chế khả năng sử dụng đất ở cho bà T 50 m² là chưa phù hợp. Vì vậy, tại Điều 2 Quyết định số 276 Chủ tịch UBND tỉnh Nghệ An giao Ủy ban nhân dân huyện T thực hiện điều chỉnh bổ sung phương án bồi thường, hỗ trợ cho gia đình bà T tại Quyết định số 1477/QĐ - UBND ngày 05/12/2008 là đúng quy định của pháp luật.

Vì vậy, yêu cầu hủy Quyết định số 276/QĐ - UBND ngày 25/01/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An về việc giải quyết khiếu nại lần 2 của bà Nguyễn Thị T là không có căn cứ chấp nhận.

[6] Xét T hợp pháp của quyết định số 405/QĐ - UBND ngày 12/4/2019 của UBND huyện T về việc điều chỉnh quyết định số 1477/QĐ - UBND ngày 05/12/2008 của Ủy ban nhân dân huyện T về việc phê duyệt bổ sung phương án bồi thường công trình: đường dây điện 220KV tuyến Bản Vẽ - Vinh đoạn qua huyện T.

[6.1] Về trình tự, thủ tục và thẩm quyền ban hành

Sau khi Ủy ban nhân dân huyện T ban hành quyết định số 1477/QĐ - UBND ngày 05/12/2008 của Ủy ban nhân dân huyện T về việc phê duyệt bổ sung phương án bồi thường công trình: Đường dây điện 220 KV tuyến Bản Vẽ - Vinh đoạn qua huyện T. Ủy ban nhân dân huyện T đã lập phương án bồi thường cho hộ gia đình ông Phạm Công H tổng số tiền hai đợt là 15.398.000 đồng trong đó bồi thường, hỗ trợ về đất: Tổng diện tích được bồi thường, hỗ trợ 852,0 m². Trong đó 50 m² đất ở và 802 m² đất vườn (*hỗ trợ 50% giá đất do hạn chế sử dụng đất*), Số tiền: 12.218.000 đồng; Bồi thường, hỗ trợ về tài sản đợt 1: là 3.180.000 đồng; đợt 2 là 440.000 đồng. Bà T không chấp nhận nên đã có đơn khiếu nại, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T đã ban hành quyết định số 657/QĐ - UBND ngày 18/6/2018 về giải quyết khiếu nại lần đầu của bà Nguyễn Thị T. Bà T không đồng ý quyết định số 657 tiếp tục khiếu nại đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An. Ngày 25/01/2019, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An ban hành Quyết định số 276/QĐ - UBND về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị T (lần 2): Trên cơ sở Quyết định số 276 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An; Bản trích lục bản đồ địa chính thửa đất số 109/2018/BĐĐC do Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện T lập ngày 17/10/2018; Tờ trình số 72/Ttr - TN & MT ngày 12/4/2019. Ngày 12/4/2019 UBND huyện T ban hành Quyết định số 405/QĐ - UBND ngày 12/4/2019 của UBND huyện T về việc điều chỉnh quyết định số 1477/QĐ - UBND ngày 05/12/2008 của Ủy ban nhân dân huyện T về việc phê duyệt bổ sung phương án bồi thường công trình: Đường dây điện 220KV tuyến

Bản Vẽ - Vinh đoạn qua huyện T là đúng trình tự thủ tục và thẩm quyền quy định tại Luật đất đai 2013; Nghị định 43/NĐ - CP; Nghị định 47/NĐ - CP.

[6.2] Về nội dung: Tại quyết định số 1477/QĐ - UBND ngày 05/12/2008 của UBND huyện T về việc phê duyệt bổ sung phương án bồi thường công trình: Đường dây điện 220 KV tuyến Bản Vẽ - Vinh đoạn qua huyện T đã lập phương án bồi thường cho hộ gia đình ông Phạm Công H tổng số tiền hai đợt là 15.398.000 đồng trong đó bồi thường, hỗ trợ về đất: Tổng diện tích được bồi thường, hỗ trợ 852,0 m². Trong đó 50 m² đất ở và 802 m² đất vườn (*hỗ trợ 50% giá đất do hạn chế sử dụng đất*), Số tiền: 12.218.000 đồng; Bồi thường, hỗ trợ về tài sản đợt 1: là 3.180.000 đồng; đợt 2 là 440.000 đồng.

Quá trình thực hiện dự án trên cơ sở kiểm tra việc xác định loại đất bị ảnh hưởng bởi hành lang an toàn lưới điện căn cứ bản vẽ trích đo do Văn phòng Đăng ký Quyền sử dụng đất huyện T lập ngày 17/10/2018 cho thấy toàn bộ diện tích nhà ở cấp 4, nhà bếp của hộ bà Nguyễn Thị T có diện tích khoảng 60 m² không nằm trong hành lang bảo vệ an toàn của lưới điện 220 KV.

Theo quy định tại điểm a, Khoản 1, Điều 6 Nghị định số 106/2005/NĐ-CP ngày 17/8/2005 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Điện lực về bảo vệ an toàn công trình lưới điện cao áp thì phần diện tích nhà ở, nhà bếp, vườn (*phía Đông Nam giáp đường bê tông*) không bị ảnh hưởng bởi hành lang an toàn lưới điện sau khi trừ đi diện tích nằm trong chỉ giới xây dựng đường còn lại là 547.7 m². Toàn bộ hành lang bảo vệ an toàn của lưới điện 220 KV tuyến Bản Vẽ - Vinh chỉ ảnh hưởng đến diện tích đất vườn của hộ bà Nguyễn Thị T.

Vì vậy, Ủy ban nhân dân huyện T hỗ trợ cho hộ bà Nguyễn Thị T 50 m² đất ở do bị hạn chế khả năng sử dụng đất ở là không đúng quy định tại Mục b, Khoản 2, Điều 16, Nghị định 197/2004/NĐ-CP ngày 03/7/2004 của Chính phủ và điểm 8.2 Mục 8 Phần II – Bồi thường, hỗ trợ về đất (*Bồi thường đối với đất thuộc hành lang an toàn khi xây dựng công trình có hành lang bảo vệ an toàn*), Thông tư số 116/2004/TT-BTC ngày 07/12/2004 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định 197/2004/NĐ-CP - quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất.

Vì vậy, tại Điều 2 Quyết định số 276 Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An giao Ủy ban nhân dân huyện T thực hiện điều chỉnh bổ sung phương án bồi thường, hỗ trợ cho gia đình bà T tại quyết định số 1477/QĐ - UBND ngày 05/12/2008. Hủy bỏ phương án bồi thường hỗ trợ hạn chế sử dụng đất đối với phần diện tích đất ở 50 m². Điều chỉnh lại phần phương án bồi thường hỗ trợ hạn chế sử dụng đất đối với diện tích đất vườn (đất nông nghiệp) nằm trong hành lang an toàn lưới điện chính xác với diện tích đo đạc thực tế. Ngày 12/4/2019 Ủy ban nhân dân

huyện T đã ban hành Quyết định số 405/QĐ - UBND về việc về việc điều chỉnh Quyết định số 1477/QĐ - UBND ngày 05/12/2008 của Ủy ban nhân dân huyện T về việc phê duyệt bổ sung phương án bồi thường công trình: Đường dây điện 220KV tuyến Bản Vẽ - Vinh đoạn qua huyện T tại mục 2 Điều 1 của Quyết định ghi: Điều chỉnh tên chủ sử dụng đất và giá trị bồi thường, hỗ trợ từ ông Phạm Công H thành bà Nguyễn Thị T (có phục lục kèm theo); tại thứ tự số 7 bảng tổng hợp điều chỉnh đã điều chỉnh mức bồi thường hỗ trợ của bà Nguyễn Thị T từ 15.398.000 đồng còn 10.444.800 đồng là đúng quy định của pháp luật. Vì vậy bà Nguyễn Thị T yêu cầu hủy quyết định 405/QĐ - UBND của UBND huyện T là không có căn cứ.

[7] Đối với yêu cầu buộc Ủy ban nhân dân huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất 16a, tờ bản đồ số 9, tại khối Hòa Nam, thị trấn Hòa Bình, huyện T với diện tích đo đạc lại là 1745,3m², trong đó có 250m² đất ở cho bà T. Hội đồng xét xử thấy rằng:

Năm 2005, ông Phạm Công H được Ủy ban nhân dân huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB408917 ngày 22/7/2005, tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thể hiện có sự tẩy xóa sửa chữa mục diện tích đất ở. Bà Nguyễn Thị T khiếu nại với lý do hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ghi 250 m² đất ở, nhưng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lại sửa chỉ còn lại 50 m² đất ở. Hàng năm, bà vẫn nộp thuế đầy đủ đối với 250 m² đất ở. Ngày 08/5/2012, Ủy ban nhân dân huyện T đã ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 536/QĐ - UBND tại Điều 2 Quyết định nêu rõ: Giao Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn Hòa Bình ban hành quyết định hủy bỏ các loại giấy tờ do Ủy ban nhân dân thị trấn Hòa Bình đã xác nhận trong giấy tờ về quyền sử dụng đất cho ông Phạm Công H và vợ là bà Nguyễn Thị T.

Ngày 22/5/2012, Ủy ban nhân dân thị trấn Hòa Bình, huyện T đã ban hành Quyết định số 78/QĐ - UBND về hủy bỏ các loại giấy tờ do Ủy ban nhân dân thị trấn Hòa Bình đã xác nhận trong giấy tờ về quyền sử dụng đất cho ông Phạm Công H và vợ là bà Nguyễn Thị T, cụ thể: Hủy bỏ xác nhận của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn Hòa Bình ngày 30/4/2001 trong giấy cho quyền sử dụng đất ở của ông Vũ Văn T cho con là ông Phạm Công H; Hủy bỏ xác nhận của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn Hòa Bình ngày 18/7/2001 trong đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở, đất vườn cùng khuôn viên với đất ở đô thị của hộ ông Phạm Công H; Hủy bỏ xác nhận của Phó chủ tịch UBND thị trấn Hòa Bình ngày 14/5/2009 trong đơn trình bày của hộ ông Phạm Công H viết ngày 00 tháng 4 năm 2009; Hủy bỏ giấy xác nhận nguồn gốc và thời gian sử dụng đất ngày 12/7/2001 do Ủy ban nhân dân, Mặt trận tổ quốc ký xác nhận.(BL 300).

Trên cơ sở đó, Phòng Tài nguyên và môi trường huyện T thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và hướng dẫn bà T làm các thủ tục để cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định. Tuy nhiên, do bà Nguyễn Thị T không có giấy tờ về quyền sử dụng đất, Ủy ban nhân dân thị trấn Hòa Bình tiến hành lấy ý kiến khu dân cư và xác nhận thời điểm sử dụng đất của bà T sau ngày 15/10/1993 theo quy định khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bà T phải thực hiện nghĩa vụ tài chính. Phòng Tài nguyên và môi trường đã lập hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà Nguyễn Thị T và chuyển thông tin nghĩa vụ tài chính cho chi Cục thuế. Tuy nhiên, bà T vẫn chưa thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định nên chưa được cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do đó, việc bà T chưa được cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là do chưa thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật đất đai.

Vì vậy, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T buộc Ủy ban nhân dân huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất 16a, tờ bản đồ số 9, tại khối Hòa Nam, thị trấn Hòa Bình, huyện T, tỉnh Nghệ An với diện tích đo đạc lại là 1.745,3m², trong đó có 250 m² đất ở như đề nghị của bà T.

Từ các căn cứ nêu trên, không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện yêu cầu hủy: Quyết định 657/QĐ-UBND ngày 18/6/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T về giải quyết khiếu nại lần đầu của bà Nguyễn Thị T; Quyết định Quyết định 276/QĐ - UBND ngày 25/01/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An về giải quyết khiếu nại lần hai của bà (đối với quyết định 1477/QĐ - UBND ngày 05/12/2008 của UBND huyện T phê duyệt bổ sung phương án bồi thường Dự án xây dựng công trình đường dây điện 220KV tuyến Bản Vẽ - Vinh đoạn qua huyện T); Một phần Quyết định 405/QĐ - UBND ngày 12/4/2014 của Ủy ban nhân dân huyện T về việc điều chỉnh Quyết định 1477/QĐ - UBND ngày 05/12/2018 phê duyệt bổ sung phương án bồi thường Công trình đường dây điện 220KV tuyến Bản Vẽ - Vinh đoạn qua huyện T (bổ sung đợt 1) liên quan đến gia đình bà; Buộc Ủy ban nhân dân huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất 16a, tờ bản đồ số 9, tại khối Hòa Nam, thị trấn Hòa Bình, huyện T với diện tích đo đạc lại là 1.745,3m², trong đó có 250 m² đất ở cho bà T như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh tại phiên tòa là có căn cứ đúng pháp luật.

[8] Về án phí hành chính sơ thẩm: Do yêu cầu của bà Nguyễn Thị T không được chấp nhận nên bà T phải chịu án phí hành chính sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 3; khoản 1 Điều 30; khoản 3, khoản 4 Điều 32; điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 116; khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 348 Luật tổ tụng hành chính; Điều 18, 21, 28, 30, 31, 36, 37, 38; 39 và Điều 40 của Luật khiếu nại. Luật đất đai năm 2003; Luật đất đai năm 2013; Luật tổ chức chính quyền địa phương. Nghị định số: 43/2014/NĐ - CP ngày 15/5/2014; Nghị định số 47/2014/NĐ - CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi nhà nước thu hồi đất; Điểm a, Khoản 1, Điều 6 Nghị định số 106/2005/NĐ-CP ngày 17/8/2005 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Điện lực về bảo vệ an toàn công trình lưới điện cao áp; Nghị định số 14/2014/NĐ-CP ngày 2/02/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật điện lực về an toàn điện; Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T về đề nghị hủy:

- Quyết định 657/QĐ-UBND ngày 18/6/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T về giải quyết khiếu nại lần đầu của bà Nguyễn Thị T

- Quyết định Quyết định 276/QĐ - UBND ngày 25/01/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An về giải quyết khiếu nại lần hai của bà (đối với quyết định 1477/QĐ - UBND ngày 05/12/2008 của UBND huyện T phê duyệt bổ sung phương án bồi thường Dự án xây dựng công trình đường dây điện 220KV tuyến Bản Vẽ - Vinh đoạn qua huyện T).

- Một phần Quyết định 405/QĐ - UBND ngày 12/4/2014 của Ủy ban nhân dân huyện T về việc điều chỉnh Quyết định 1477/QĐ - UBND ngày 05/12/2018 phê duyệt bổ sung phương án bồi thường Công trình đường dây điện 220KV tuyến Bản Vẽ - Vinh đoạn qua huyện T (bổ sung đợt 1) liên quan đến gia đình bà.

- Buộc Ủy ban nhân dân huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất 16a, tờ bản đồ số 9, tại khối Hòa Nam, thị trấn Hòa Bình, huyện T với diện tích đo đạc lại là 1.745,3m², trong đó có 250 m² đất ở cho bà.

2. Về án phí: Bà Nguyễn thị T phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí hành chính sơ thẩm nhưng được khấu trừ số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền số AA/2020/0000114 ngày 08/10/2020 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An.

3. Người khởi kiện có mặt có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Các đương sự;
- Cục THADS tỉnh Nghệ An;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thái Thị Hồng Vân

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Xuân Thành Hồ Thị Thanh Thủy

Thái Thị Hồng Vân

